

Bản án số: 44/2017/HSST
Ngày: 20/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Văn Dũng**.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Đàm Kiến Dân** - Ban Dân vận thị xã Gò Công.

2/ Ông **Nguyễn Minh Quốc** - Phòng Tài chính kế hoạch thị xã Gò Công.

Thư ký phiên tòa: ông Trần Công Triều - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa: ông Võ Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại Trung tâm Văn hóa thể thao Phường 5, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/TL-HSST ngày 06 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Phan Thanh P**, sinh năm 1994; Nơi sinh: huyện G, tỉnh Tiền Giang;

- Thường trú: ấp B, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Chỗ ở: Khu phố B, Phường N, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12

- Con ông Phan Thiết T, sinh năm 1972 và bà Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1971.

- Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; Có 01 con tên Phan Nguyễn Trà M, sinh năm 2015.

- Tiền án: Không

- Tiền sự: 01 lần: Ngày 05/01/2017 bị Công an xã L, thị xã Gò Công xử phạt hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại Quyết định số 6546/QĐXPHC.

- Bị bắt tạm giữ ngày 10/3/2017, có mặt.

2/ Họ và tên: **Nguyễn Ngọc S**, sinh năm 1996; Nơi sinh: huyện G, tỉnh Tiền Giang;

- Thường trú: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12

- Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1967.

-Vợ, con: chưa có.

- Tiền án, tiền sự: Không

- Bị bắt tạm giữ ngày 10/3/2017, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Phan Thành T, sinh năm: 1993, vắng mặt

Nơi cư trú: ấp V, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

2/ Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm: 1967, có mặt

Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3/ Nguyễn Văn H (tên gọi khác: V), sinh năm: 1974, vắng mặt

Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4/ Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1973, vắng mặt

Nơi cư trú: Khu phố M, Phường B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

5/ Phạm Kim T (tên gọi khác: Đ), sinh năm: 1989, vắng mặt

Nơi cư trú: ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

6/ Nguyễn Thị H, sinh năm: 1980, có mặt

Nơi cư trú: ấp G, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở: ấp B, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

7/ Nguyễn Phúc T, sinh năm: 1997, có mặt

Nơi cư trú: ấp S, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Phan Thanh P và Nguyễn Ngọc S bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 10/3/2017, bị cáo Nguyễn Ngọc S cùng anh Nguyễn Phúc T đang ở tại chợ xã L, thị xã Gò Công, Tiền Giang thì anh Phạm Kim T điện thoại hỏi mua 1.000.000 đồng ma túy tổng hợp (ma túy đá). Bị cáo Nguyễn Ngọc S trả lời: “*Để tôi hỏi lại người ta*”, thì anh Phạm Kim T kêu đến quán cà phê V thuộc khu phố 4, phường 2, thị xã Gò Công để uống nước. Sau đó, bị cáo Nguyễn Ngọc S sử dụng xe đạp hiệu Martin chở anh Nguyễn Phúc T đi đến quán cà phê V gặp anh Phạm Kim T. Lúc này, bị cáo Nguyễn Ngọc S mượn điện thoại di động của anh Nguyễn Phúc T điện thoại cho bị cáo Phan

Thanh P, hỏi: “*Có ma túy không có người mua một triệu đồng?*” thì bị cáo Phan Thanh P trả lời chỉ còn một liều giá 500.000 đồng. Nên hỏi anh Phạm Kim T: “*Chỉ còn một liều giá 500.000 đồng lấy không?*”, thì anh Phạm Kim T đồng ý và đưa cho 500.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Ngọc S mượn xe mô tô hai bánh hiệu Max mang biển kiểm soát 63B6-107.00 của anh Phạm Kim T đi đến đường vào nhà trọ Bìn Bìn thuộc khu phố 3, Phường 5, thị xã Gò Công, để lấy 01 bạch ma túy đá, đưa cho bị cáo Phan Thanh P 500.000 đồng. Khi nhận được tiền, bị cáo Phan Thanh P trở về phòng trọ tại khu phố 3, Phường 5, thị xã Gò Công C, còn bị cáo Nguyễn Ngọc S mang ma túy về quán cà phê V giao ma túy cho anh Phạm Kim T thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Gò Công bắt quả tang, thu giữ tang vật: 01 bọc nilon hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể rắn, màu trắng (bị cáo Nguyễn Ngọc S khai là ma túy đá) đã được niêm phong có chữ ký của Nguyễn Ngọc S và 01 người chứng kiến Nguyễn Thị T và tang vật khác như cáo trạng nêu.

Tiến hành khám xét nơi ở của bị cáo Phan Thanh P thu giữ: 02 bọc nilon (01 bọc lớn và 01 bọc nhỏ) được hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng trong suốt đã được niêm phong có chữ ký của bị cáo Phan Thanh P, Phan Thành T và người chứng kiến là Trần Thanh D và một số tang vật như cáo trạng nêu.

Theo Kết luận giám định số 25/KLGD-PC54 ngày 13/3/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tiền Giang kết luận:

Gói 01: Mẫu tinh thể trong suốt trong 01 gói nilon màu trắng được hàn kín, để trong 01 bì thư được niêm phong có các chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Ngọc S (người bị bắt) và Nguyễn Thị T (người chứng kiến); gửi giám định có trọng lượng là 0,1986g, có Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 67, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Gói 02: Mẫu tinh thể trong suốt trong 02 gói nilon màu trắng (01 gói lớn, 01 gói nhỏ) được hàn kín, để trong 01 bì thư được niêm phong có các chữ ký ghi họ tên: Phan Thanh P, Phan Thanh T và Trần Thanh D (người chứng kiến); gửi giám định có trọng lượng là 0,2786g, có Methamphetamine.

Quá trình điều tra làm rõ nội dung vụ án xảy ra như sau:

Bị cáo Phan Thanh P khai nhận đã bắt đầu mua bán trái phép chất ma túy từ tháng 11/2016. Nguồn ma túy mua của một thanh niên khoảng 28 tuổi (không rõ họ tên và địa chỉ cư trú cụ thể) tại bến xe Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh tổng cộng 07 lần, mỗi lần mua 800.000 đồng ma túy đá. Vào ngày 03/03/2017, đi xe khách từ thị xã G đến bến xe Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh mua của người thanh niên trên 800.000 đồng ma túy đá. Sau khi mua xong, bị cáo Phan Thanh P mang ma túy về nhà trọ để sử dụng cùng với chị Nguyễn Thị H (vợ) và anh Phan Thành T, còn dư lại một phần. Đến khoảng 13 giờ ngày 10/3/2017, bán cho bị cáo Nguyễn Ngọc S thì bị bắt như đã nêu trên.

Các đối tượng mua ma túy của bị cáo Phan Thanh P gồm:

1. Nguyễn Ngọc S mua 04 lần/04 liều (01 liều giá 200.000 đồng, 02 liều giá 300.000 đồng, 01 liều giá 500.000 đồng – lần thứ 4 thì bắt quả tang).

2. Nguyễn Minh N mua 03 lần/03 liều (01 liều giá 200.000 đồng, 01 liều giá 250.000 đồng, 01 liều giá 300.000 đồng).

Ngoài ra, bị cáo Phan Thanh P còn bán ma túy cho một số đối tượng khác không rõ họ tên, không rõ lai lịch.

Bị cáo Nguyễn Ngọc S khai nhận đã mua ma túy đá của bị cáo Phan Thanh P 04 lần/04 liều và mua ma túy của chị Nguyễn Thị H 01 lần/01 liều giá 500.000 đồng. Trong đó 04 lần bị cáo Nguyễn Ngọc S khi mua ma túy về đều lấy ra 01 phần sử dụng, phần còn lại đem bán lại cho anh Phạm Kim T (02 lần/02 liều giá 300.000 đồng, 02 lần/02 liều giá 500.000 đồng, lần thứ 4 thì bị bắt quả tang không có chiếc ma túy ra sử dụng).

Tại bản Cáo trạng số 32/KSĐT-MT ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang đã truy tố bị cáo Phan Thanh P và bị cáo Nguyễn Ngọc S về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát đề nghị: Tuyên bố bị cáo Phan Thanh P và bị cáo Nguyễn Ngọc S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; Điều 20; Điều 33; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Phan Thanh P từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2017; Bị cáo Nguyễn Ngọc S từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2017. Áp dụng khoản 5 Điều 194; khoản 2, khoản 3 Điều 30 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng sung quỹ nhà nước. Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 02 gói niêm phong (vụ số 25/1, vụ số 25/2) cùng ngày 13/3/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tiền Giang, giám định viên Nguyễn Thanh T, người chứng kiến Nguyễn Thị Kiều L, 01 hộp quẹt màu xanh, đã qua sử dụng, 02 cái kéo bằng kim loại màu trắng, đã qua sử dụng, 02 đoạn ống bằng thủy tinh.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu LAND ROVER màu đen, đã qua sử dụng còn SIM trong máy, 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra bên trong, 01 máy tính bảng hiệu HUAWEI màu trắng, đã qua sử dụng, 01 xe mô tô hiệu AIRBLADE mang biển kiểm soát 63B5-169.29.

- Trả lại chị Nguyễn Thị H: 01 máy tính bảng hiệu SAMSUNG màu trắng, đã qua sử dụng, bị nứt màn hình, không kiểm tra bên trong và số tiền Việt Nam 10.900.000 đồng. Trả lại anh Nguyễn Phúc T 01 điện thoại di động hiệu PHILIPS màu đen, đã qua sử dụng còn SIM trong máy. Trả lại bà Nguyễn Thị Mỹ H 01 xe đạp MARTIN màu bạc trắng.

Về số tiền thu lợi bất chính: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 2.050.000 đồng của bị cáo P đã nộp. Buộc bị cáo S nộp lại số tiền 1.600.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Về án phí: mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên toà các bị cáo khai vào thời gian và địa điểm nêu trên bị cáo Nguyễn Ngọc S có mua ma túy của bị cáo Phan Thanh P và bán ma túy lại cho anh Phạm Kim T thì bị Công an thị xã Gò Công bắt quả tang thu giữ tang vật như cáo trạng nêu là đúng. Các bị cáo nhận thấy hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức án.

Anh Phan Thành T vắng mặt, có lời khai trong hồ sơ trình bày: Có mua ma túy đá của chị Nguyễn Thị H để sử dụng tổng cộng 04 lần: Lần 1 mua 01 liều giá 500.000 đồng, lần 2 mua 01 liều giá 300.000 đồng, lần 3 mua 01 liều giá 500.000 đồng, lần 4 mua 01 liều giá 200.000 đồng và 02 liều giá 900.000 đồng. Trong đó 01 liều giá 200.000 đồng, anh Phan Thành T đã sử dụng hết cùng với bị cáo P và chị Nguyễn Thị H tại nhà trọ của bị cáo P, còn lại 02 liều giá 900.000 đồng bị Cơ quan điều tra khám xét thu giữ.

Chị Nguyễn Thị H trình bày là vợ của bị cáo P, biết bị cáo P mua bán ma túy nhưng chị không có tham gia vào hoạt động mua bán ma túy của bị cáo P. Không có bán ma túy cho bị cáo S và anh Phan Thành T. Yêu cầu được nhận lại tài sản gồm: 01 xe mô tô hiệu Airblade mang biển kiểm soát 63B5-169.29, 01 máy tính bảng HUAWEL, 01 máy tính bảng SAMSUNG và số tiền 10.900.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày: là mẹ của bị cáo Nguyễn Ngọc S. Chiếc xe đạp hiệu Martin màu bạc trắng là tài sản của bà. Bà không biết bị cáo S lấy xe đạp đi mua bán ma túy, xin nhận lại xe đạp hiệu Martin đang bị tạm giữ.

Anh Nguyễn Phúc T trình bày là bạn của bị cáo S, có cho bị cáo S mượn điện thoại hiệu PHILIPS vì lúc đó điện thoại của bị cáo S hết pin. Không biết bị cáo S sử dụng điện thoại để mua bán ma túy, xin nhận lại điện thoại hiệu PHILIPS đang bị tạm giữ.

Anh Phạm Kim T vắng mặt, có lời khai trong hồ sơ trình bày: Có mua ma túy của bị cáo S tất cả 04 lần để sử dụng. Lần cuối cùng mua ma túy vào ngày 10/3/2017 thì bị Công an bắt quả tang. Chiếc xe mô tô 63B6-107.00 là tài sản của anh, do anh đứng tên chủ xe. Anh T không yêu cầu gì.

Anh Nguyễn Văn H vắng mặt, có lời khai trong hồ sơ trình bày: Vào tháng 02/2017 anh đã bán lại xe mô tô hiệu AirBlade biển kiểm soát 63B5-169.29 cho một người không rõ lai lịch với giá 30.000.000 đồng, người mua chưa làm thủ tục sang tên chủ xe. Anh H không yêu cầu gì.

Chị Nguyễn Thị Ngọc H vắng mặt, có lời khai trong hồ sơ trình bày: Tháng 3/2017 cửa hàng xe máy của chị có thu mua chiếc xe mô tô hiệu AirBlade biển kiểm soát 63B5-169.29 từ một người tên Vũ (không rõ lai lịch) và đã bán lại xe cho vợ chồng bị cáo Phan Thanh P. Chị H không yêu cầu gì.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp lời khai người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, tang vật thu giữ và tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Các bị cáo có đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc mua bán trái phép chất ma túy là bị pháp luật cấm, nhưng vì mục đích muốn có ma túy sử dụng và tiền tiêu xài, các bị cáo đã tìm mua chất ma túy về sử dụng và bán lại các đối tượng nghiện để kiếm lời, bất chấp hậu quả, thực hiện hành vi công khai, nhiều lần, ngang nhiên xem thường pháp luật. Trong lần bị bắt quả tang, bị cáo P bán ma túy cho bị cáo S. Bị cáo S bán ma túy lại cho anh Phạm Kim T. Số lượng ma túy các bị cáo đã mua bán trái phép bị bắt quả tang được giám định có trọng lượng là 0,1986gam có Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 67, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ. Qua điều tra, đối chất và làm rõ tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận ngoài lần bị bắt quả tang, các bị cáo còn mua bán chất ma túy nhiều lần như trên. Nên có cơ sở xác định các bị cáo thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy thuộc trường hợp *“phạm tội nhiều lần”*. Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo Phan Thanh P, Nguyễn Ngọc S phạm tội *“Mua bán trái phép chất ma túy”*. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng chất ma túy, gây thiệt hại cho lợi ích của xã hội còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn ở địa phương. Việc đưa vụ án ra xét xử lưu động nhằm giáo dục, răn đe, phòng chống tội phạm trên địa bàn.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có phân công cụ thể mà cùng nhau thực hiện tội phạm. Bị cáo P đi tìm mua ma túy về phân ra để sử dụng và bán lại cho bị cáo S tất cả 04 lần, bán cho Nguyễn Minh N 03 lần và bán cho một số đối tượng khác không rõ lai lịch. Từ nguồn ma túy bị cáo S mua của bị cáo P thì bị cáo S sử dụng một phần và bán lại anh Phạm Kim T tất cả 04 lần. Xét hành vi của từng bị cáo tham gia thấy rằng: Về số lần bị cáo P trực tiếp mua bán ma túy nhiều hơn bị cáo S. Nguồn ma túy mà bị cáo S có để bán lại là từ bị cáo P. Tiền bán ma túy do bị cáo P cất giữ và tiêu xài cá nhân, bị cáo P không cho tiền bị cáo S. Do đó, bị cáo P giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo P có một tiền sự lại tiếp tục phạm tội nhiều lần cho thấy bị cáo chưa chịu cải tạo tốt, nên mức án của bị cáo P phải nghiêm khắc hơn bị cáo S mới phù hợp. Bị cáo S tham gia vụ án có mức độ nên phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng.

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khi bị bắt hai bị cáo đã tự thú khai báo các lần phạm tội trước đó, là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p, điểm o, khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Phúc có ý thức khắc phục hậu quả đã tác động gia đình tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, có câu ruột là ông Phạm Thanh T được Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang, có bà cố là bà Lê Thị N là mẹ Việt Nam anh hùng, nên cho bị cáo P được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, có xem xét giảm nhẹ đến mức thấp nhất của khung hình phạt bị truy tố. Bị cáo S có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46, nên áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, xem

xét giảm nhẹ cho bị cáo hưởng mức án dưới khung hình phạt bị truy tố. Xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội, cần cách ly các bị cáo một thời gian mới đủ sức giáo dục cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Trong vụ án này còn có anh Phan Thành T khai nhận đã mua ma túy đá của chị Nguyễn Thị H để sử dụng còn lại 02 liều thì bị Cơ quan điều tra khám xét thu giữ. Theo Bản kết luận giám định số 25/KLGD-PC54 ngày 13/3/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh Tiền Giang thì 02 liều ma túy trên có Methamphetamine, có trọng lượng là 0,2786 gam. Xét thấy, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của anh Phan Thành T chưa đủ định lượng xử lý truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngày 15/03/2017 Công an thị xã Gò Công đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính anh Phan Thành T số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với chị Nguyễn Thị H, qua đối chất tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, chị H không thừa nhận hành vi bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Ngọc S và anh Phan Thành T. Xét thấy không đủ cơ sở để xử lý hình sự. Ngày 15/3/2017, Công an thị xã Gò Công đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính Nguyễn Thị H số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với Nguyễn Minh N đã bị Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại bản án số 24/2017/HSST ngày 14/4/2017. Công an thị xã Gò Công đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính anh Phạm Kim T số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Tiền là mục đích thu lợi mà các bị cáo hướng đến, nên cần thiết phạt bổ sung các bị cáo một khoản tiền để giúp các bị cáo nhận thức rõ thêm về hành vi phạm tội. Xét tính chất, hành vi của các bị cáo thực hiện cần phạt bổ sung mỗi bị cáo 5.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước. Thực hiện một lần khi án có hiệu lực.

Về số tiền thu lợi bất chính: Trong thời gian mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo P thu lợi số tiền 2.050.000 đồng, đã giao nộp. Bị cáo S thu lợi bất chính số tiền 1.600.000 đồng, chưa giao nộp, nên cần buộc bị cáo S phải giao nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, sung vào ngân sách nhà nước.

Về vật chứng: Xe mô tô 63B6-107.00 của anh Phạm Kim T đứng tên chủ xe, không liên quan đến vụ án. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Gò Công đã trả xe cho anh Phạm Kim T vào ngày 12/3/2017 là phù hợp.

- 02 gói niêm phong (vụ số 25/1, vụ số 25/2) cùng ngày 13/3/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tiền Giang, giám định viên Nguyễn Thanh T, người chứng kiến Nguyễn Thị Kiều L. Đây là ma túy còn lại sau giám định là vật cấm lưu hành, 01 hộp quẹt màu xanh, 02 cái kéo bằng kim loại màu trắng, 02 đoạn ống bằng thủy tinh là của bị cáo P dùng để sử dụng ma túy và phân chia ma túy, không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Chiếc xe mô tô hiệu AirBlade mang biển kiểm soát 63B5-169.29 là tài sản chung của bị cáo P và chị H, chị H cũng biết bị cáo P sử dụng xe để hoạt động mua bán ma túy nên chị H cũng có lỗi nên cần tịch thu xe sung quỹ nhà

nước. 01 điện thoại di động hiệu LAND ROVER màu đen của bị cáo S sử dụng để liên lạc mua bán ma túy, 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen và 01 máy tính bảng màu trắng hiệu HUAWEI bị cáo P sử dụng vào việc liên lạc mua bán ma túy nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Điện thoại di động hiệu PHILIPS màu đen là của anh Nguyễn Phúc T, bị cáo S mượn để liên lạc mua bán ma túy với bị cáo P, anh T không biết, nên trả điện thoại lại anh T. Xe đạp hiệu Martin màu bạc trắng là của bà Nguyễn Thị Mỹ H. Bà H không biết bị cáo S lấy xe đạp đi mua bán ma túy nên trả lại xe cho bà H. 01 máy tính bảng màu trắng hiệu SAMSUNG là của chị Nguyễn Thị H sử dụng, không liên quan đến vụ án nên trả lại chị H.

- Đối với số tiền Việt Nam 11.400.000 đồng bị thu giữ, có 10.900.000 đồng của chị Nguyễn Thị H tiết kiệm có được, nên trả lại chị H 10.900.000 đồng. Số tiền 500.000 đồng còn lại (gồm: 01 tờ mệnh giá 100.000 đồng; 02 tờ mệnh giá 200.000 đồng) là tiền bị cáo P vừa bán ma túy cho bị cáo S nên tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 500.000 đồng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phan Thanh P và bị cáo Nguyễn Ngọc S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1/ Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, điểm p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Thanh P 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 10/3/2017.

2/ Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, điểm p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 và Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 10/3/2017.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 194, khoản 2 và khoản 3 Điều 30 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Phan Thanh P và bị cáo Nguyễn Ngọc S, mỗi bị cáo phải nộp số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng sung vào ngân sách nhà nước. Thực hiện một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Về thu lợi bất chính: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc S phải nộp lại số tiền 1.600.000 đồng sung quỹ nhà nước, thời gian thực hiện một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Tịch thu số tiền 2.050.000 đồng của bị cáo Phan Thanh P đã nộp (theo Biên bản giao nhận ngày 18/9/2017) sung quỹ nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ nộp tiền theo nội dung quyết định thì hàng tháng phải trả lãi theo mức lãi suất

qui định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại chị Nguyễn Thị H 01 máy tính bảng hiệu SAMSUNG màu trắng, đã qua sử dụng, bị nứt màn hình và số tiền 10.900.000 đồng.

- Trả lại anh Nguyễn Phúc T 01 điện thoại di động hiệu PHILIPS màu đen, đã qua sử dụng còn sim trong máy.

- Trả lại bà Nguyễn Thị Mỹ H 01 xe đạp hiệu Martin màu bạc trắng.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động hiệu LAND ROVER màu đen, đã qua sử dụng còn SIM trong máy, 01 máy tính bảng hiệu HUAWEL màu trắng đã qua sử dụng, 01 xe mô tô hiệu AIRBLADE mang biển kiểm soát 63B5-169.29 và số tiền 500.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 gói niêm phong (vụ số 25/1, vụ số 25/2) cùng ngày 13/3/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tiền Giang, giám định viên Nguyễn Thanh T, người chứng kiến Nguyễn Thị Kiều L, 01 hộp quẹt màu xanh, đã qua sử dụng, 02 cái kéo bằng kim loại màu trắng, đã qua sử dụng, 02 đoạn ống bằng thủy tinh.

Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Mỗi bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng.

Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Gò Công;
- Chi cục THA.DS thị xã Gò Công;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ, AV.

Trần Văn Dũng